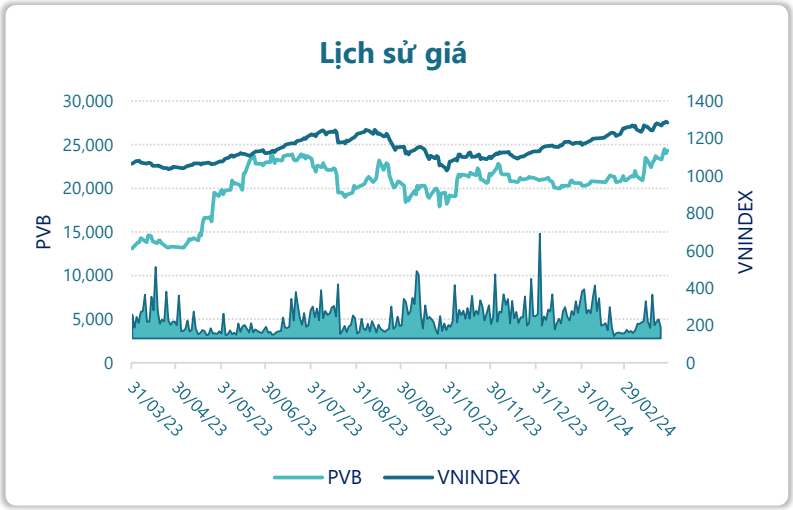
FireAnt

CTCP Bọc ống dầu khí Việt Nam (HNX: PVB)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**24,300**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	24,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	13,100
SL cổ phiếu LH	21,599,998
KLGD BQ 20 phiên (CP)	432,320
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	525
P/E	16.9
EPS	1,437

DT thuần

Q1/24

123

tỷ VNĐ

QoQ: ▼27.0| -17.9%

YoY: ▲ 122| 20782%

LN sau thuế

Q1/24

20.5

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.50| 86.5%

YoY: ▲ 27.7| 387%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

2.3%

+/- YoY: ▲ 30.8%

DT thuần

2023

244

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 210| 611%

LN sau thuế

2023

3.36

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 16.4| 126%

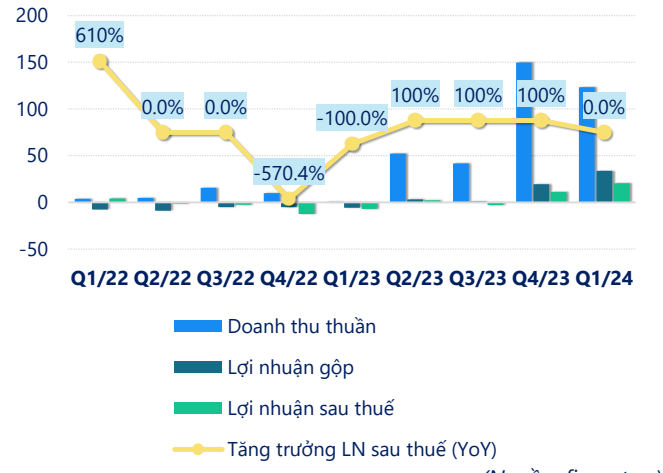
ROE

2023

0.9%

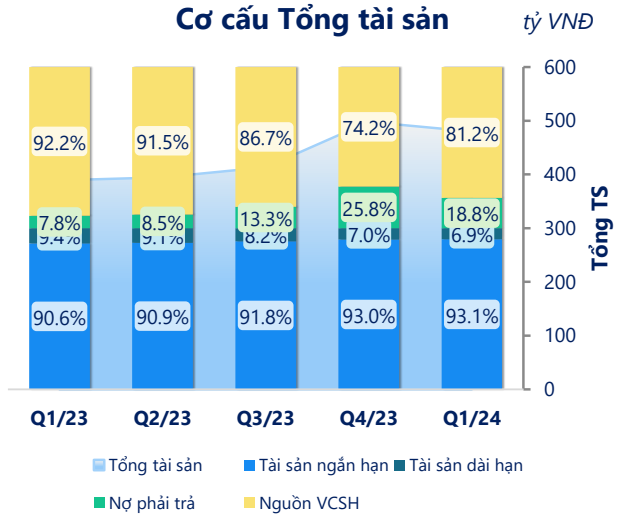
+/- YoY: ▲ 4.4%

Kết quả kinh doanh



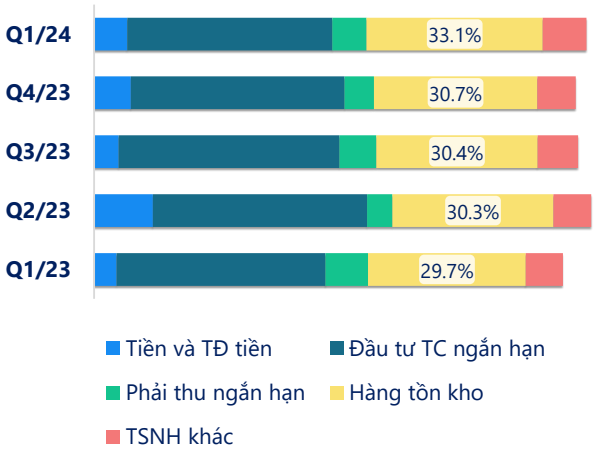
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



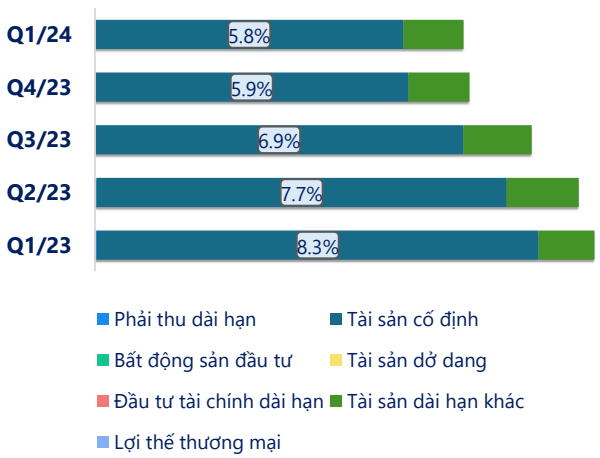
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



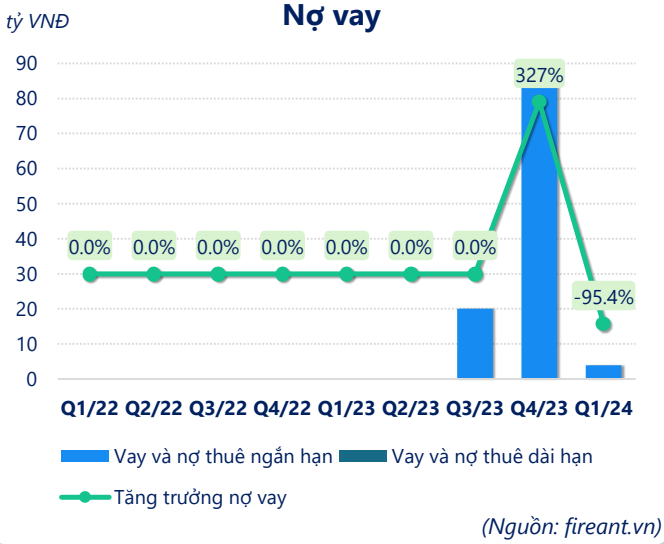
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



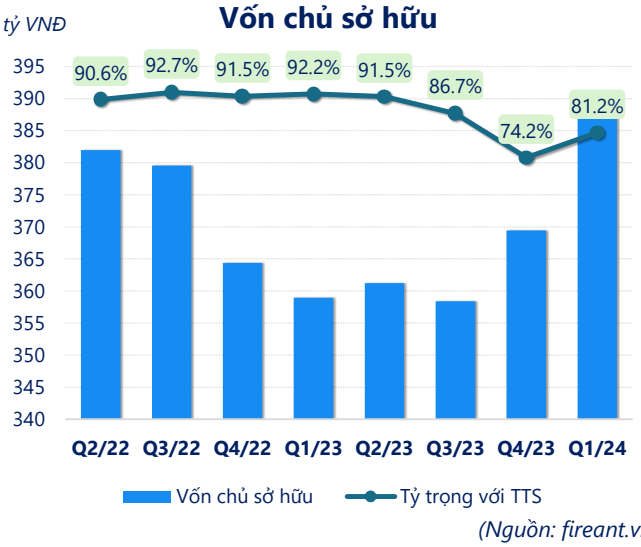
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



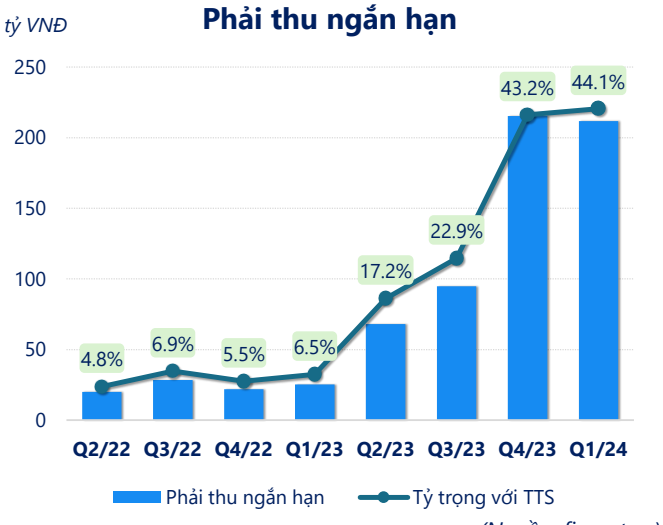
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



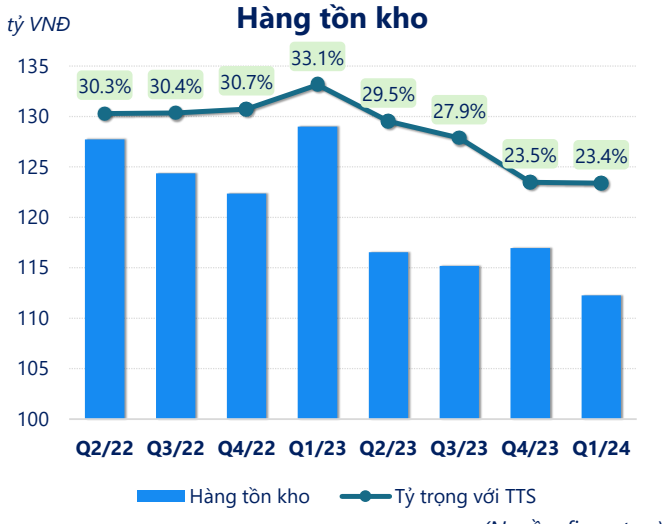
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



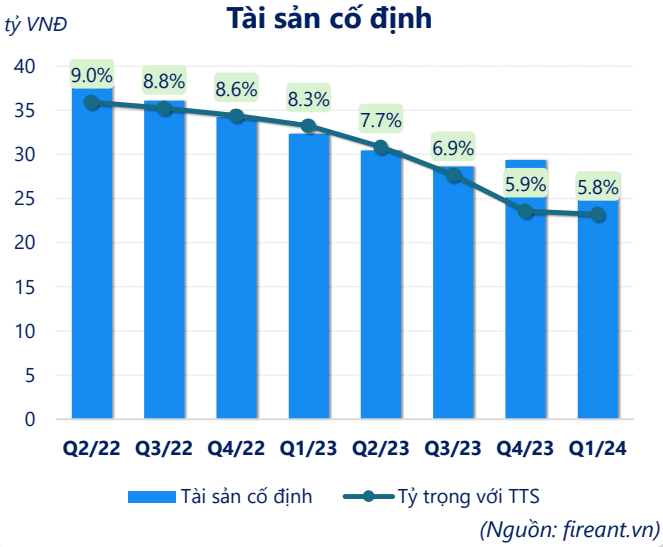
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



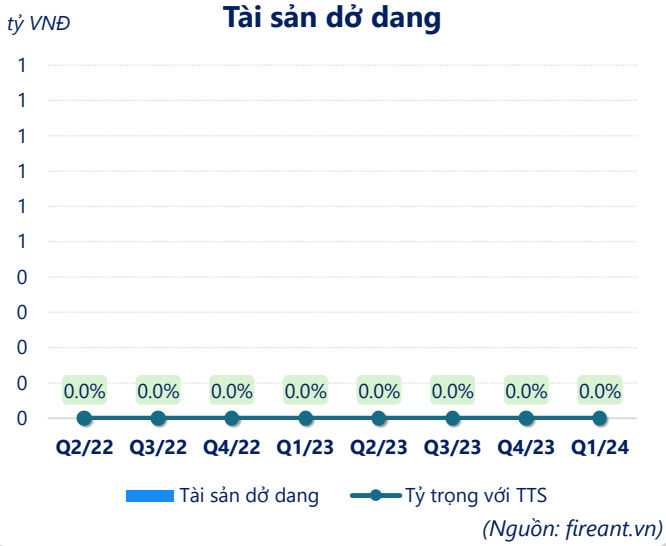
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



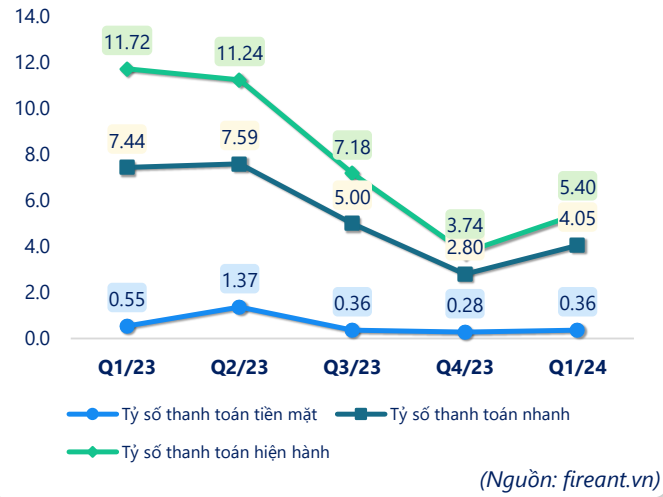
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



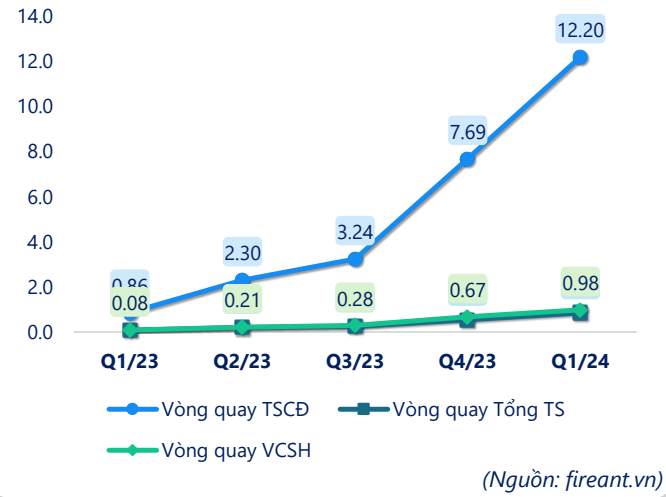
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**389**	**395**	**413**	**498**	**480**
Tài sản ngắn hạn	**353**	**359**	**379**	**463**	**447**
Tiền và tương đương tiền	16.5	43.7	19.2	34.5	30.0
Đầu tư tài chính ngắn hạn	150	100	120	80.0	80.0
Phải thu ngắn hạn	25.2	68.1	94.7	215	212
Hàng tồn kho	129	117	115	117	112
Tài sản ngắn hạn khác	32.0	30.7	30.4	16.2	12.7
Tài sản dài hạn	**36.6**	**35.9**	**34.0**	**35.1**	**33.3**
Phải thu dài hạn	0.14	0.12	0	0	0
Tài sản cố định	32.3	30.5	28.6	29.4	27.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	4.09	5.34	5.33	5.70	5.41
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**30.2**	**33.7**	**55.0**	**129**	**90.0**
Nợ ngắn hạn	**30.1**	**31.9**	**52.9**	**124**	**82.6**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	20.0	85.4	3.90
Phải trả người bán ngắn hạn	4.10	12.5	5.00	24.2	8.54
Nợ dài hạn	0.17	1.73	2.15	4.97	7.38
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**359**	**361**	**358**	**369**	**390**
Vốn chủ sở hữu	**359**	**361**	**358**	**369**	**390**
Vốn điều lệ	216	216	216	216	216
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)